



## CHƯƠNG TRÌNH HUẤN LUYỆN QUÂN SỰ

ÁP DỤNG CHO KHÓA 26 (1969-1973)

*Võ Công Tiên, K26*

**K**hối Quân Sự Vụ chịu trách nhiệm huấn luyện quân sự và thể chất cho sinh viên sĩ quan. Chương trình quân sự mà Khóa 26 thụ huấn bao gồm hai phần chính nêu trên, ngoài ra còn có các giờ học chiến tranh chính trị từ Khối Chiến Tranh Chính Trị, và các chương trình huấn luyện đặc biệt như Nhảy Dù, Rừng Núi Sinh Lầy.

Chương trình Du Hành, vào khoảng cuối tháng 10 năm 1971, kéo dài hai tuần lễ tại Sài Gòn, Biên Hòa, Bình Dương, Dục Mỹ, và Nha Trang. Khóa 26 đã đi thăm các đơn vị đại diện các quân binh chủng, như Quân Nhu, Quân Cụ, Truyền Tin, Bộ Tổng Tham Mưu, Công Binh, Thiết Giáp, Thủy Quân Lục Chiến, Trung Tâm Huấn Luyện Lam Sơn, Pháo Binh, Hải Quân, Không Quân, và Biệt Động Quân. Tùy theo quân

chúng, kể từ năm thứ ba về sau, SVSQ được huấn luyện riêng biệt. Hai mùa quân sự năm thứ ba và thứ tư, các SVSQ Không Quân và Hải Quân theo học tại Nha Trang; SVSQ Lục Quân học tại Đà Lạt, Sài Gòn, và Dục Mỹ. Đặc biệt thành phần Lục Quân có nhiệm vụ huấn luyện Tân Khóa Sinh Khóa 29

Tổng quát thì Khóa 26 sau khi ra trường, về binh nghiệp có khả năng điều động cấp trung đội (Lục Quân), chỉ huy một thuyền nhỏ (Hải Quân), hoặc điều khiển một máy bay căn bản. Trình độ thu nhận được đối với chiến thuật:

- Năm thứ nhất, cấp cá nhân và tiểu đội.
- Năm thứ hai, cấp trung đội.
- Năm thứ ba, cấp đại đội (Lục Quân). Lớp học khoảng 45 người vào năm thứ nhất và thứ hai, khoảng 70 người vào năm thứ ba.

Riêng sinh viên sĩ quan theo Lục Quân được học Khóa 251 Nhảy Dù, trong 3 tuần tại căn cứ Hoàng Hoa Thám. Khóa 26 học chung với một nửa kia là các binh sĩ Nhảy Dù. Các SVSQ Khóa 26 hoàn tất khóa học vào ngày 10 tháng 3 năm 1972, có Bằng Nhảy Dù và Giấy Chứng Nhận Tốt Nghiệp Nhảy Dù (thẻ nhỏ bỏ túi).

Khóa 26 Lục Quân còn theo học rừng, núi, sinh lầy tại Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân tại Dục Mỹ vào tháng 1/73 và 2/73, chia làm hai đợt. Tiểu Đoàn 2 học đợt một với 70 SVSQ, Tiểu Đoàn 1 học đợt hai với 71 SVSQ. Thời gian học mỗi đợt 4 tuần và được đặt tên là Khóa 1 Đặc Biệt Rừng Núi Sinh Lầy và Viễn Thám, và Khóa 2 Đặc Biệt Rừng Núi Sinh Lầy và Viễn Thám. Các khóa học này không cấp bằng cho SVSQ mà chỉ có danh sách liệt kê toàn thể SVSQ theo học.

Mỗi mùa quân sự kéo dài 10 tuần, liên tục 7 ngày được tổ chức cả ngày lẫn đêm. Trong 36 tuần mỗi năm vào các mùa văn hóa, hàng tuần có 4 giờ thể thao, 2 giờ võ thuật, 2 giờ lý thuyết quân sự, không kể các chương trình diễn tập ngắn hạn đặc biệt. Tính ra mỗi năm 900 giờ, tức 3600 giờ trong bốn

năm.

Phòng Huấn Luyện Quân Sự bao gồm bốn khoa: Tổng Quát, Chiến Thuật, Vũ Khí, Binh Chủng. Riêng Khoa Tổng Quát thì huấn luyện về địa hình, tham mưu, quân kỹ, không trợ, tiếp vận, tình báo, thể dục quân sự. Các môn về Chiến Tranh Chính Trị có thể do sĩ quan thuộc Khối Chiến Tranh Chính Trị, hoặc các giáo sư Văn Hóa Vụ giảng dạy.



***Khóa 26 trong một buổi học về chiến thuật vào mùa Quân Sự.***

Phòng Huấn Luyện Thể Chất gồm hai khoa thể thao và võ thuật. Khoa Thể Thao hướng dẫn SVSQ rèn luyện thể vận, trường lực, điền kinh, bóng dài, bóng rổ, bóng chuyền, bóng tròn. Khoa Võ Thuật dạy quyền anh, nhu đạo, thái cực đạo. Môn cận chiến do sinh viên sĩ quan huấn luyện viên đàn anh Khóa 23 huấn luyện trong mùa Tân Khóa Sinh. Môn Đoạn Đường Chiến Binh thuộc Khoa Tổng Quát của Phòng Huấn Luyện Quân Sự, nhưng do hạ sĩ quan huấn luyện viên của Phòng Huấn Luyện Thể Chất coi sóc.

Thư viện có một bộ binh thư, phần lớn đã được dịch sang tiếng Việt, từ FM của Mỹ, ấn bản 1956 – 1960. Các tài liệu học tập đều do phòng Huấn Luyện Quân Sự tự soạn với những kiến thức mới nhất, rút tĩa từ thực tế chiến trường. Điềm quân

sự (bao gồm cả quân sự và thể chất) được tính thành 35% tổng số điểm tốt nghiệp. Sự thực, mức rèn luyện thể chất và kiến thức quân sự lãnh hội được từ một SVSQ lại không nằm trong đối tượng của Phòng Nghiên Cứu Thành Tích. Thí dụ, sau khi cả Trung Đoàn SVSQ chạy sáng xong, SVSQ nào thích có thể chạy thêm, đi tập võ riêng; trái lại, có người trở về phòng với trạng thái mỗi mệt.

Trung Đoàn SVSQ là nơi tập tành các môn cơ bản thao diễn, rèn luyện thân thể qua các môn căn bản thể vận (chạy, nhảy, bò, lăn) với giờ giấc và hoàn cảnh bất định. Ngày Quân Lực 19 tháng 6 năm 1973, Khóa 26 và 27 tham gia diễn binh tại Sài Gòn, nhận giải nhất đồng hạng với Thiếu Sinh Quân, là kết quả tất nhiên của bao nhiêu mồ hôi diễn tập trong sinh hoạt thường lệ của Trường Võ Bị.

Các niên trưởng đàn anh mỗi lần về thăm trường đều có nói chuyện dành cho sinh viên sĩ quan năm thứ tư, do lời mời của sĩ quan cán bộ thường tổ chức tại các hội quán đại đội gọi là những buổi học hỏi kinh nghiệm chiến trường. Tuy không nằm trong chương trình huấn luyện chính thức, nhưng những buổi tiếp xúc đó thu hút hầu hết mọi người với sự tham dự thật hăng hái và linh hoạt bổ ích, vượt ra ngoài phạm vi sách vở, thi cử, hay bằng cấp.



## **Khóa 251 Nhảy Dù**

KBC 3058 - Căn Cứ Hoàng Hoa Thám, Sài Gòn.

Mãn khóa: Thứ Sáu ngày 10 tháng 3 năm 1972.

Nhập khóa: Thứ Hai ngày 21 tháng 2 năm 1972.

Số khóa sinh: khoảng 290 \*.

Khóa sinh đến từ TVBQGVN: 3 sĩ quan + 143 SVSQ/ K26 (K26 Lục Quân).

Khóa sinh tại Sư Đoàn Nhảy Dù: khoảng 150 (phần lớn là tân binh).

Khóa sinh nhảy dù thực sự (5 air assault) tại Ấp Đồn vào tuần chót: Khoảng 350.

Huấn Luyện Viên: Khoảng 18.

Tư Lệnh SĐ Nhảy Dù: Trung Tướng Dư Quốc Đống

Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù: Trung Tá Trần Văn Vinh.

Trưởng Khóa 251 Nhảy Dù: Thượng Sĩ Lương.

Chỉ Huy Trưởng TVBQGVN: Tr. Tướng Lâm Quang Thi

Sĩ quan khóa sinh Đại Diện TVBQGVN: Đại Úy Nguyễn Cửu Nhông, K16.

Khóa sinh đại diện Khóa 251 ND: SVSQ Nguyễn Quang Lạc, K26.

Huấn luyện và tiếp vận:

- Tổ chức: 6 toán, mỗi toán 2 huấn luyện viên huấn luyện khoảng 48 khóa sinh.

- 17 ngày huấn luyện,

Thứ Hai - Thứ Bảy (5:00 sáng - 5:00 chiều).

- K26 ăn ở ngay tại TTHL Nhảy Dù, xuất trại sau giờ học.

- GMC đón SVSQ mỗi sáng lúc 4:30 tại trước trại Nguyễn Trung Hiếu.

- Tiệc trà mãn khóa: Tối Thứ Sáu 10/3 tại Sân Cỏ TTHL/ND (có thân nhân).

- Biểu diễn: khoảng 30 HLV+ SQ Nhảy Dù và 40 SVSQ/

K26.

- Nơi biểu diễn: Sân Cù, Dalat, Chúa Nhựt 12 tháng 3 năm 1972.

- Liên hoan mãi khóa: tối Chúa Nhựt 12/3 tại Phan Xá TVBQGVN (có thân nhân).

- SĐ Nhảy Dù tặng mỗi SVSQ/ K26 một bộ tác chiến hoa dù.

## **Thế Bản Cung**

1. Đầu, thân mình và chân tay trái thẳng hàng; và tạo một góc 45 độ với mặt đất.

2. Tay trái (giang thẳng) và cánh tay phải thẳng hàng; và tạo một góc 90 độ với thân mình.

3. Mắt nhìn theo đầu mũi tên và mũi tên song song với tay trái. Như vậy mũi tên

sẽ bay ra theo hướng 45 độ so với mặt đất.

4. Cung song song với chân trái.

5. Đùi phải thẳng góc với đùi trái, chân phải thẳng góc với mặt đất.

### **Chú thích ảnh đầu bài:**

Sĩ Quan Thủ Khoa Nguyễn Văn Lượng đang bắn tên đi bốn phương trời, trong Lễ Tốt Nghiệp Khóa 26 SVSQ - Khóa Trung Tướng Nguyễn Việt Thanh ngày 18 tháng Giêng 1974.

(Ảnh và ghi chú của CSVSQ Nguyễn Văn Lượng, K26.)

# Vào Cổng Sau

Võ Công Tiên, K26



*Khoá 26 có 18 người quê ở Bình Định. Toà Hành Chánh/ Tiểu Khu Bình Định, nơi phát đơn gia nhập TVBQGVN.*

Ngày đầu tiên tôi đi vào Trường Võ Bị chỉ đơn sơ như bữa ghé thăm nhà của một người quen. Những người lính Quân Cảnh tại cổng Thái Phiên chỉ lối vào phía sau thay vì phải đi vòng qua rừng thông đằng trước. Ai có dính líu đến Trường Võ Bị Đà Lạt thì biết cổng Tôn Thất Lễ này, không có bảng chỉ dẫn, ngoại trừ một trạm canh gác với vài người lính thật hiền hòa.

Nhìn về hướng Bắc, xa xa là hai đỉnh Lâm Viên. Khu vực này tựa như một nhà máy với những dòng khói đang tuôn lên vào buổi sáng giữa ngày. Phải rồi, đó là lò luyện thép, một nơi rèn luyện những chàng trai có lý tưởng. Vài quán cafe mì gói trước cổng. Nơi đây, tôi gặp một thiếu úy, mặc khaki vàng. ông ta tự giới thiệu là một sĩ quan Văn Hóa Vụ, bảo chút nữa sẽ cùng đi bộ với tôi vào trường.

Đó là ngày tôi vào thẳng Trường Võ Bị nộp tờ xác nhận

quyết định vào Khóa 26 Sinh Viên Sĩ Quan Hiện Dịch. Sau vài tuần tôi có tên trúng tuyển. Đi lính mà cũng phải thi, đậu mới hy vọng được vào. Còn việc khảo sát thể chất thì tôi tin chắc sẽ qua câu được. Vị sĩ quan Văn Hóa Vụ này thuộc thành phần động viên, nhưng rất vui và có vẻ hăng say trong trách nhiệm khi về phục vụ tại đây.

Đi men theo bờ hồ cạnh một trạm biến điện, vòng qua vài sân quần vợt, bóng chuyền là gần đến khu vực bộ chỉ huy. Ông thiếu úy muốn đưa tôi dạo sơ nhà B, tức là phải băng qua sân cỏ của khu văn hóa, vì ông ta có chút việc ở đây trước. Không một bóng người trên ngọn đồi, hai bên con đường vòng dài hun hút của khu vực doanh trại hướng về phía phòng ăn.

- Anh không được đi lên cầu thang xoắn ốc này.

Đó là lời dặn chót của vị sĩ quan này trước khi chúng tôi chia tay. Tôi đến phòng Tuyển Thủ ký tên, nộp mạng. Giờ này tôi không còn nhớ vị thiếu úy tốt bụng dẫn đường tên tuổi ra sao. Tôi hỏi, bao giờ thì tôi có thể lên xuống được cầu thang giữa, xây theo hình xoắn ốc này. Nhưng tôi không được trả lời, và ông chỉ mỉm cười nhẹ một cách thoải mái băng qua.

Một năm, ba năm sau, tôi làm quen với những phép biến đổi Laplace, lý thuyết sức căng lực nén, đơn vị BTU, hay tư tưởng Montesquieu, đủ thứ vừa trừu tượng, xa lạ, mới mẻ và khó hiểu. Bốn năm sau, tôi rời Trường Võ Bị sau đêm dạ tiệc liên hoan của ngày mãn khóa. Mang lon Thiếu Úy, tôi trở ra ngã sau phạn xá, vào đêm khuya, không người đưa tiễn.

Bỏ qua chiếc cổng Nam Quan với ngọn Cờ Vàng bay phát phới và hàng chữ Tự Thắng Để Chỉ Huy, tôi nhớ cái cổng đầu tiên, và cuối cùng, một lối vào và cũng chính đó là lối ra. Người sĩ quan Văn Hóa Vụ ngày ấy, nay đâu? Đến nay, tôi vẫn chẳng có dịp lên xuống cầu thang xoắn ốc. Kể từ đó, ít nhất thời gian cũng đã trải qua 52 năm của trời đất, mặc cho gió thoảng nắng vàng với đời thông vi vu và sương lạnh.



## *Lắm Cẩm Sự Đời*

*Trần Kim Bảng, K20*

Một hôm trước khi viết bài này, anh Trường, Chủ Bút báo Đa Hiệu và tôi có nói chuyện với nhau qua điện thoại. Sau khi thăm hỏi sức khoẻ của nhau liên quan đến mùa “dịch cúm Vũ Hán” ngọt ngào vừa qua, anh có đề nghị tôi viết một bài cho Đa Hiệu với bất kỳ đề tài nào, nhưng nếu là một đề tài nói về một sự kiện “vui, tếu” nào đó thì tốt, vì trong cuộc sống của chúng ta bấy lâu nay, buồn nhiều hơn vui, cho nên cần phải có đề tài “tếu” để giải buồn.

Tôi hoàn toàn đồng ý với đề nghị rất chính đáng của anh, và anh cũng đã đồng tình với tôi là, viết hay kể chuyện về một đề tài “tếu” nào đó để mọi người cùng cười với nhau không phải dễ. Người kể chuyện cần phải có năng khiếu, phải có duyên ăn nói, hoặc nếu viết bài thì phải có biệt tài với giọng văn “tếu” thì bài đọc mới hy vọng chọc cười bà con ta được.

Thường thì viết chuyện buồn dễ hơn viết chuyện tếu, có lẽ vì đời vốn dĩ đã là “bể khổ”(?) cho nên thế gian này thường có nhiều chuyện buồn hơn chuyện vui

Riêng đối với tôi, đây là một công việc khó thực hiện, vì bản thân tôi vốn dĩ đã không có “chất tếu” trong máu, cũng

chẳng có duyên, lại thường hay gặp nghịch cảnh trong cuộc sống, cho nên viết về một đề tài “tếu” là một vấn đề khó; khó hơn cả trúng số độc đắc! Tuy vậy nhưng tôi rất thích tham dự vào những câu chuyện tếu, thích cười, và rất thích hợp mặt với bằng hữu để cùng tếu với nhau cho cuộc đời đỡ nhàm chán, cuộc sống được dài thêm. Chỉ tiếc là mình không có máu “tếu” để giúp mọi người cùng tếu!

Nhưng có một điều lạ xin được viết ra đây: Từ khi có dịch Cúm Vũ Hán bùng phát vào những tháng đầu năm 2020, tự nhiên tôi cảm thấy mình có ý muốn thay đổi “nhân sinh quan”; có nghĩa là trước đây tôi cho rằng “đời đáng chán”, thì bây giờ đột nhiên muốn đổi thành “đời đáng sống”. Đơn giản chỉ có thế, nhưng với tôi chẳng hiểu tại sao nó lại có vẻ như trầm trọng lắm.

Thành thật mà nói, đây là một ý nghĩ rất tự nhiên, không hề gò bó chút nào cả, mà chỉ là đột nhiên ý nghĩ ấy đến với tôi. Giá như tôi cứ âm thầm mà làm theo ý mình thì cũng xong, nhưng muốn viết ra đây, vì thấy sự thay đổi “nhân sinh quan” cũng chính là “lắm cảm sự đời”.

Ý nghĩ ấy đã đến với tôi từ ngày cúm Vũ Hán hoành hành trên thế giới đến nay đã 2 năm rồi! Để cho “đời đáng sống” tôi đã tự ý bỏ hút thuốc, bỏ rượu theo lời khuyên của các bác sĩ sau 3 lần nhập viện cấp cứu. Tôi không muốn gây phiền hà cho người thân trong gia đình nhưng còn một lý do khác nữa, chính là vì trong mùa dịch cúm vừa qua tôi bị cấm cửa, không được đi ra ngoài, suốt ngày cứ loanh quanh luẩn quẩn trong nhà, hết ăn rồi ngủ, hết ngủ rồi lại ăn, rồi đi tìm nguồn vui trên màn hình TV hoặc trên bàn phím computer – internet, cho nên vô tình tôi đã đi lạc vào vùng đất của cụ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu từ lúc nào mà không hay.

Khi chợt nhìn lên thì biết đây là nhà của cụ Tản Đà nhưng không dám bước vào vì nghĩ thân phận mình trước kia là lính, chỉ biết cầm súng chứ đâu có biết cầm bút, chữ nghĩa thì cũng

chỉ đi ăn đong bấy lâu nay, vừa tạm đủ để “đầu lão” cho đỡ buồn mà thôi. Tôi bị mặc cảm, rất ngại bước qua cửa nhà cụ, vì sợ bị chê là “học đòi”. Tôi chỉ đứng ngoài nhìn vào, thì thấy cụ viết:

*“Cùng một giấc mơ màng trong vũ trụ.  
Đời đáng chán biết thôi là đủ,  
Sự chán đời xin nhủ lại tri âm.  
Nên chẳng nghĩ lại kẻ nhàm.”*

Dĩ nhiên cụ sáng tác cả một rừng thơ và văn, không thể đọc hết được, tôi chỉ “chôm” bốn câu trên đây trong một bài thơ dài mà tôi cho là đặc ý nhất để hầu chuyện quý niên trưởng và quý bằng hữu; hy vọng là góp thêm được ý vui vào sự đời lắm cảm hôm nay. Nếu có phần nào sai sót, không vui, không thể cười được thì xin quý vị niệm tình bỏ qua.

Vâng, đúng vậy! Theo tôi thì lời khuyên của cụ Tản Đà rất chí lý: **Đời đáng chán thật đấy nhưng không nên chán**, vì chán đời theo ý cụ và tôi cũng đồng ý là một lầm lẫn rất lớn. Cuộc đời có vô vàn sự lắm cảm không ai có thể kể hết được, mà cũng theo ý cụ thì tuy sự đời lắm cảm thật đấy nhưng cũng cần phải “*biết đến*”; và biết đến càng nhiều càng tốt để truyền kinh nghiệm lại cho người đi sau. Vì vậy mà ta -- cho dù sự đời có đổi trắng thay đen như thế nào đi nữa thì cũng -- đừng vội chán đời! Nếu có tư tưởng chán đời chợt xuất hiện trong ta, thì ta phải gạt bỏ ngay nó đi, vì một khi đã chán đời thì không còn muốn làm việc gì cả.

Xin đừng chán đời! Mà hãy yêu đời! Chán đời là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến “bỏ đời”, tức là bỏ cuộc chơi miễn phí trên dương thế này để đi về thế giới khác với ông bà, mà như thế thì chẳng còn giúp ai trong cõi đời ta bà này được nữa. Có lẽ cũng chính vì vậy mà cụ Khái Hưng và cụ Nhất Linh là những người sống cùng thời với cụ Tản Đà cũng đã từng khuyên bác Phó Thức trên đê Yên Phụ ngày nào trong một cơn mưa bão nặng hột, rằng “Anh Phải Sống”, đừng đi theo vợ

anh, cho dù cuộc đời của anh có đen như mồm chó thì cũng cứ vui lên. Hãy chống cự lại dòng nước định mệnh đã cướp đi sự sống của người vợ, để sống với 3 đứa con còn thơ dại.

Triết lý của cụ Nguyễn Khắc Hiếu -- một nhà thơ, cũng là nhà văn, cũng là nhà viết kịch nổi tiếng của vùng núi Tân sông Đà, đã một thời lừng lẫy trên văn đàn Việt Nam vào cuối thế kỷ thứ 19 -- rất thực tế, đơn giản, dễ hiểu; thiết nghĩ mọi người nên tuân theo.

Tiện đây cũng xin nhắc thêm về cụ Khái Hưng, nhà văn nổi tiếng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn (1934-1942) muốn canh tân lối sống “nho học” cổ hủ ở nước ta. Cụ đã bị Việt Cộng nó giết mất ở tuổi còn sáng tác sung mãn. Thật khốn kiếp cho cái lũ súc sinh Việt Cộng! Cụ mất đi nhưng “Hồn Bướm Mơ Tiên” của cụ vẫn còn âm hưởng đậm đà trong Văn Học Sử Việt Nam, mọi người vẫn yêu mến “Hồn Bướm Mơ Tiên” của cụ và thương tiếc cụ.

Còn cụ Nhất Linh thì Trời ơi! Sao cụ lại đi tự tử! Cụ vừa là người sáng lập và lãnh đạo nhóm Tự Lực Văn Đoàn, vừa là cây viết nổi tiếng của nhóm với ý khuyên người đời nên “Đoạn Tuyệt” với lối sống phong kiến cổ hủ, tương tự như cụ Khái Hưng. Thật quá đẹp! Nhưng có ngờ đâu cụ lại đoạn tuyệt với thế giới loài người hơi sớm, làm cho bức tranh vãn cảnh của cuộc đời này thêm đen tối, thay vì phải làm cho nó sáng tỏ, yêu đời thêm lên, chứ sao lại như thế. Thật khó hiểu! Thật đáng tiếc!

Vâng, đây cũng là một vài “lắm cảm sự đời”! Hai cụ mất đi đã để lại cho Văn Học Sử Việt Nam nỗi luyến tiếc của một thời vang bóng. Thời ấy tôi chưa được may mắn tham dự vào vì bị cho là “sinh sau đẻ muộn”. Tôi chỉ biết đến qua không khí học đường sau năm 1954 ở Sài Gòn, nhưng được biết đến trễ như thế cũng đã là may mắn lắm rồi, không đến nỗi như ai đó trong nhóm “đỉnh cao trí tuệ” coi “Tự Lực Văn Đoàn” là một gánh hát.

Bây giờ nhìn lại lớp hậu sinh chúng tôi, những người được sinh ra ở cuối thập niên 1930 và đầu thập niên 1940, phần đông đã một thời khoác áo lính trận, tham gia vào hầu hết những trận đánh khốc liệt trên quê hương kéo dài suốt 20 năm (1954-1975), hung tàn nhất lịch sử Việt Nam. Ấy thế mà nhanh như chớp, thời ấy cũng đã lùi vào dĩ vãng 46 năm rồi! Thời binh lửa tang tóc ngút trời ấy đã qua đi được, thì rõ ràng là mọi chuyện lắm cảm sự đời này rồi cũng sẽ qua đi được, nhưng hình như không quên đi được; hay nói cách khác là chẳng có gì tồn tại với thời gian, ngoại trừ lịch sử và tình người.

Sau cuộc chiến, tất cả chúng tôi đã bị lừa vào các trại tù “cải tạo” được thiết lập rải rác trên khắp ba miền quê hương đất nước, mặc dầu không ai có tội gì cả nhưng vẫn bị đi tù khổ sai, thật vô lý, thật bất công! Nhưng đây là cuộc đời! Rồi cũng qua đi! Hôm nay những người chết đã yên mồ đẹp mã, hoặc có thể có nhiều linh hồn vẫn còn vất vưởng đâu đó, trong rừng sâu, trên đồi núi, trên biển cả, hay trong vùng đất khô cằn nào khác; chúng ta hãy cầu nguyện cho những linh hồn ấy sớm được nghỉ ngơi đời đời!

Còn những người đang sống thì vẫn sống với thân hình không nguyên vẹn hoặc nguyên vẹn, với thể xác rã rời, tâm thần mệt mỏi, nhưng không ai tự tử, có nghĩa là không có ai chán đời cả. Chỉ buồn và buồn thế thôi! Hôm nay đáng lẽ không nên nhắc lại vì đã hứa là kể chuyện “tếu”, nhưng tôi chỉ có ý muốn nhấn mạnh là “đời đáng sống” chứ “không đáng chán” cho dù chúng ta đang phải sống ở bất kỳ hoàn cảnh nào, cho dù là tồi tệ nhất.

Thế rồi với quan niệm “đời đáng sống” làm tôi cứ lan man đi tìm ý nghĩa cuộc sống cuối đời chứ không có ý đối đời, để học hỏi thêm mặc dầu tuổi tác của thế hệ chúng tôi đã hơn “8 bố”, chẳng qua là vì cụ Tản Đà trước đây cũng đã bảo rằng:

*“Dân hai trăm triệu ai người lớn,  
Nước bốn ngàn năm vẫn trẻ con.”*

Muốn làm người lớn thì phải học! Nhưng có những người không học cũng vẫn làm lớn, vẫn làm thủ tướng, vẫn làm chủ tịch nước, thế mới chết chứ! Cách đây 125 năm dân số nước ta dưới thời Pháp thuộc vào khoảng 25 triệu, còn bây giờ thì đã gần một trăm triệu. Vậy để cho thích hợp với hoàn cảnh bây giờ, chúng ta xin phép cụ được tạm đổi lại câu đầu, là: “Dân *một trăm triệu* ai người lớn”, còn câu thứ hai thì vẫn để nguyên.

Vâng! Cụ Tản Đà cho biết thêm, con người và đất nước của chúng ta, cho đến bây giờ đã qua bốn ngàn năm mà vẫn còn “trẻ con”, chẳng có ai “người lớn” cả. Có lẽ ngay từ buổi sinh thời của cụ, cụ đã tiên đoán, rồi đây chúng ta sẽ đánh nhau chí choé như trẻ con vào thời “Quốc - Cộng” phân tranh từ 1954 đến 1975 mà người đời thường gọi là “Cuộc Chiến Việt Nam”. Mà đã gọi là “cuộc chiến” thì thế nào cũng có “bên thắng cuộc”, “bên thua cuộc”. Và thật may mắn, đúng là lắm cảm sự đời, quý niên trưởng, quý bạn và tôi lại được đứng chung với nhau ở “bên thua cuộc”.

Tôi cứ tưởng rằng sau ngày (30-4-1975) Sài Gòn bị “phòng...” thì “bên thắng cuộc” sẽ được hưởng trọn vẹn những “chiến lợi phẩm” sau khi đã thu dọn chiến trường. Chứ có ngờ đâu -- sau khi “bên thua cuộc” bị lừa vào các trại tù “cải tạo”, lớp người dân bình thường và vợ con lính thì bị đẩy đi vùng kinh tế mới, lớp người khác thì bỏ của chạy lấy người -- Giặc Phương Bắc có bộ chỉ huy ở Bắc Kinh đã từ lâu nhòm ngó nước ta và nó đã đặt chó săn ở Hà Nội ngay từ khi “nước ta có đảng”, nó nhìn thấy rất rõ đây là thời cơ tốt nhất để cướp lại các chiến lợi phẩm từ tay các đồng chí Hà Nội.

Nó bèn tức khắc “lấy thịt đè người” ép buộc “bên thắng cuộc” phải chia phần lớn các chiến lợi phẩm ấy cho nó, bao gồm cả nhiều khu vực màu mỡ trên đất liền và các hải đảo xa/gần của Tổ Quốc ta. Thế mới đau chứ! Thế nhưng cái đau hơn nữa, chính là tinh thần các đồng chí Hà Nội lại tỏ ra hoan hỉ, sẵn sàng dâng đất, dâng biển cho giặc! Thật không biết còn

phải nói gì hơn, có phải là “lắm cảm sự đời” hay phải gọi nó là cái quái gì!?

Nghiem lại, tôi mới thấy cụ Tản Đà nói không sai chút nào cả. Dân ta còn trẻ con quá nên giặc Tàu nó bắt nạt, nó dụ “bên thắng cuộc” là cứ “đánh Mỹ cho đến người Việt Nam cuối cùng” để giúp cho CS quốc tế Nga-Tàu. Nó cấm được ngọn cờ búa liềm trên đỉnh vinh quang thế giới thì thế nào cũng nhìn thấy thiên đàng Cộng Sản, vì thế mà đánh Mỹ là thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao đẹp đây!

Nga-Tàu nó khôn lắm, nó là người lớn mà, nó đâu có trẻ con như dân ta đâu. Một mặt nó nói với dân ta, nào là Thế Giới Đại Đồng tuyệt hảo, nào là Nghĩa Vụ Quốc Tế Cộng Sản cao cả,... nhưng sự thật của mặt bên kia, đã nhiều lần hai đứa chúng nó đánh nhau chí mạng ở biên giới Nga-Tàu để giành đất. Chẳng đứa nào chịu thua, mạnh đứa nào, đứa ấy sống chứ làm quái gì có cái “tinh thần quốc tế vô sản” nào đâu?! Toàn là bịp với bịp cả đấy thôi! Và thực sự thì chúng nó có “vô sản” hồi nào đâu, chúng nó “hữu sản” mà! Nó nói láo quá sức như thế mà dân ta trẻ con quá, chẳng biết mô tê chi cả, cứ nghe theo những lời đường mật của nó. Thế mới chết chứ! Thật tội nghiệp cho dân ta quá!

Những lắm cảm sự đời nêu trên đã quá cũ, nay đã quá lỗi thời, thế nhưng dân ta “vẫn trẻ con” vẫn không chịu hiểu nên phải nhắc lại; không biết đến bao giờ thì dân ta mới khôn lớn, mới thoát ra khỏi?!

Tôi thực sự không biết, nhưng mới đây ngay trên lục địa của “Uncle Sam” cũng xuất hiện những “lắm cảm sự đời” tương tự, làm tôi rất ngạc nhiên, đó là sự kiện “**Critical Race Theory**” (**Lý Thuyết Chỉ Trích về chủng tộc**) viết tắt là **CRT** được dạy cho học sinh ở các lớp “elementary and secondary schools, as well as higher education” (các trường tiểu học, trung học, cũng như chương trình giáo dục cao hơn) trong hệ thống các trường Công Lập.

Cội nguồn của CRT chính là Marxist ideology (tư tưởng của Mác - Một lý thuyết gia Cộng Sản), theo một số người chuyên môn học đường và các phụ huynh học sinh cho biết thì đây là kế hoạch của “leftist social justice warriors” muốn nhồi nhét tư tưởng CS vào đầu óc thế hệ trẻ và tẩy sạch mọi dấu vết American Heritage từ bầy lâu nay của Uncle Sam, không chỉ ở học đường mà ở mọi nơi trên nước Mỹ để quên đi truyền thống, cội nguồn đã có từ thời các “cha già lập quốc”. Vì thế mà chẳng lạ gì khi có nhiều đứa không muốn chào Quốc Kỳ Mỹ, thật khôn nạn! Những người có nền văn hóa “Uống nước nhớ nguồn” cảm thấy bất mãn khi nhìn thấy những trò lố lăng khôn nạn đó.

Thiết nghĩ, nơi đây (nước Mỹ) là vùng đất cuối cùng của người Việt Nam Ty Nạn Cộng Sản, không còn vùng đất nào nữa. Sau nửa thế kỷ rời xa quê hương thứ nhất, nước Việt Nam thân yêu của chúng ta cho dù bằng phương tiện nào hay “điện” nào, và đã nhận vùng đất này là quê hương thứ hai, chúng ta không thể không có trách nhiệm trước những đổi thay thiếu lành mạnh đang diễn ra chung quanh chúng ta. Nếu chúng ta không hành động thì mai kia một nọ, các thế hệ đi sau chúng ta, với những kiến thức hôm nay mà chúng nhận được từ học đường, do “leftist social justice warriors” nhồi nhét vào đầu não non trẻ của con/ cháu chúng ta, thì thay vì mang ơn -- chúng lại chống lại hoặc trách móc chúng ta, nếu không muốn nói là chửi mắng chúng ta, tương tự như một số người đang quay lưng lại với lá cờ của Tổ Quốc.

Họ đã nhầm lẫn trầm trọng giữa lá cờ Tổ Quốc với lá cờ Đảng phái, họ bị thiếu giáo dục hoặc nghe theo lời tuyên truyền của “leftist”, họ đã đánh mất “fundamental American values” (những giá trị căn bản của Mỹ).

Nếu chúng ta thiếu đề cao cảnh giác hoặc thờ ơ với thời cuộc thì chắc chắn những tên Cộng Sản nằm vùng sẽ không bỏ lỡ cơ hội, đoạt lấy tự do của chúng ta mà chúng ta đã phải mua bằng máu và nước mắt, thậm chí là bằng mạng sống của



chúng ta. Một trong những “cha già lập quốc” của Mỹ, ông Thomas Jefferson đã nhấn mạnh trong một bài viết: “Eternal vigilance is the price of liberty.” (Không ngừng đề cao cảnh giác là cái giá của tự do.) Chúng ta phải đề cao cảnh giác như “người lính gác giấc” đang ở phiên canh gác cho đơn vị mình. Không thể lơ là được! Đừng quên rằng, một khi CS đã thực thi nghị quyết của “đảng” thì không bao giờ chúng bỏ cuộc, chúng chỉ tạm ngừng lại nếu điều kiện không cho phép mà thôi..

Thưa quý niên trưởng, thưa quý bạn,

Như trên tôi đã trình bày, tôi không có khả năng viết bài “tếu” cho dù tôi rất muốn, nhưng không hiểu tại sao đầu tôi nó cứ lái tay tôi viết về những chuyện “lầm cẩm sự đời” như thế này. Thôi thì “Tẻ vui cũng bởi lòng người mà ra”, quý vị cứ coi đây là một bài viết “tếu”, đọc xong rồi nhẹ nhõm bỏ qua.

Thế là đủ. Kính chúc quý vị nhiều may mắn thoát khỏi mùa “Cúm Vũ Hán”.

*7 Tháng 8, 2021*



## Lời Hứa Của Cha

*Bích Lan, K 19/1*

*Nhân ngày FatherDay, viết chuyện thật của gia đình tôi.*

Sau 30 tháng Tư năm 1975, gia đình tôi đi tù một nửa: Ba tôi, chồng tôi, anh rể, hai anh trai. Còn lại ở nhà một nửa: Anh Hai học Khoá 7 sĩ quan Thủ Đức giải ngũ làm tòa Đại Sứ Mỹ, không trình diện đã phải đổi chỗ ở hết nơi này tới chỗ khác, một anh học ba ngày, chồng cô em là bác sỹ bị giữ lại làm việc tại bệnh viện Sa Đéc, hai cậu em vừa hết trung học.

Ba tôi là công chức, sau khi trình diện thì bị tập trung tại làng cô nhi Long Thành, Biên Hoà. Tù hơn hai năm, ông bị xuất huyết bao tử quá nặng phải đi nhà thương. Nơi đây, má tôi được cho vô săn sóc. Trong thời gian nằm nhà thương hơn một tháng ông được về thăm nhà một lần, chỉ gần hai tiếng để lấy thuốc. Khi bệnh tình thuyên giảm ông phải vào trại tù trở lại. Ông bị tù hơn một năm nữa, bệnh lại tái phát. Khi ông bị xuất huyết bao tử thừa sống thiếu chết thì ông được tha về cho gia đình chăm sóc và thuốc men. Ông sống với chúng tôi gần một năm nữa thì mất năm 1980.

Khi Cụ trở về thì con trai và con rể vẫn còn trong tù. Trong khi đó gia đình cô em, một anh và hai em trai đã yên ổn tại

Hoa Kỳ và Canada. Gia đình anh Hai gồm hai vợ chồng, năm đứa con sau bao nhiêu lần vượt biên thất bại gian nan tù tội trở về. Lần cuối vượt biên, cả gia đình đã mất tích trên biển cả.

Cụ trở về như con chim bị đạn, không thích hay không dám mặc áo quần đẹp, có xe honda không dám đi, vì bệnh hoạn nên má tôi tâm bỗ không dám ăn hết, chừa lại để dành. Tối ngày nghiên cứu bản đồ nước Mỹ, cụ cứ chỉ vào bản đồ tiểu bang California, bảo rằng nơi đây ấm áp, và nếu được đi Mỹ cụ chỉ ở với gia đình tôi.

\* \* \*

Vâng! Cụ đã chỉ ở với chúng tôi.

Sau nhiều lần chúng tôi vượt biên thất bại. Như đi chơi đâu đó vài ngày trở về mẹ con tôi lại sinh hoạt bình thường.

Một lần chúng tôi bị bắt giam hơn một tháng ở tỉnh Bến Tre được tha trở về thì nhà cửa cũng bị hàng xóm dọn sạch chẳng còn thứ gì. Trong nhà đã có người ở, cũng là người chị họ hàng gọi Má tôi là cô. Chị Tư có ba đứa con gồm một trai và hai gái từ 12 đến 16 tuổi. Khi mẹ con chúng tôi về chị cứ ở lì không chịu dọn đi. Trong nhà thằng con trai của chị ta còn nuôi mấy con gà đá nhốt trong buồng ngủ. Không khí thật là hôi hám, trong khi những con gà bay đầy nhà, cắn mấy đứa con tôi mần đồ khắp người.

Vào một đêm, khoảng hai giờ khuya, tôi nghe tiếng chị Tư la lớn:

- Dượng! Dượng! Ma! Ma!

Tiến ỏn làm cả nhà chị, Má tôi và bốn mẹ con tôi thức dậy. Riêng chị thì hoảng hốt bóp hai bàn tay la đau. Cứ như rằng mỗi lần chị Tư cãi nhau với tôi vì nuôi gà trong nhà dơ bẩn là đêm đó chị hay các con chị lại hoảng hốt giữa đêm khuya.

Có đêm thằng con trai la thật lớn, “Ma! Ma!” rồi bật dậy ngồi run. Nó méc là ông dượng mặc áo sơ mi trắng, quần tây màu xanh, áo bỏ trong quần, có chùm chìa khoá đeo ở thắt

lưng, mở mùng nó ra và nhìn mặt nó.

Đêm thì đưa con gái chị Tư thấy ông đi từ nhà trên xuống nhà dưới hay ngược lại nên mẹ con chị đêm xuống là không dám ra khỏi mùng. Mẹ con chị phải dùng cái xô để dưới đất cạnh giường ngủ mà đi vệ sinh trong đó.

Vào một đêm chưa khuya lắm, khi cả nhà cũng đã ngủ, chị Tư đang ngồi viết thư thì thấy ông già đứng bên cạnh. Ông trở đầu cái cán quạt giấy, đánh vào tay chị rất đau. Chị la, “Dượng! Dượng! Ma! Ma! Con dọn đi, con dọn đi.”

Sáng sớm hôm sau chị gặp Má tôi và tôi:

- O ơi, tôi hôm qua dượng về. Dượng lấy cái cán quạt giấy đánh con. Thôi con biết lỗi rồi, mẹ con con xin lỗi, cả năm nay con hỗn với O. Cho mẹ con con xin lỗi. Vì bây giờ chúng con không có tiền, xin cho chúng con hai chỉ vàng là chúng con dọn ra ngay.

Thật vậy, tối hôm trước khi cả nhà đã ngủ, chị Tư đã hai lần như hứa trong tiếng la hoảng hốt:

- Dượng! Dượng! Ma! Ma! Con dọn đi, con dọn đi.

Không biết chị đã viết gì để ông già nổi giận. Có phải chị đang làm đơn xin nhập hộ khẩu để ở luôn trong nhà tôi như tờ đơn chị đã nháp và vô tình tôi đã được đọc trong thùng rác?

Ngày ngày hôm sau khi Má tôi cho chị 2 chỉ vàng là chị dọn nhà đi ngay.

Má tôi nói với chị:

- “Mày thấy ông nữa rồi phải không? Mày không biết đó thôi, ông rất cưng hai đứa con gái nhỏ của ông. Tao làm mẹ mà cũng không bao giờ rầy la tụi nó.”

Sau khi chị Tư đi chỗ khác, chị có về khoe với tôi là chị mơ thấy Ba tôi cho chị trúng số đề hai lần để chị có tiền sắp xếp việc nhà.

Đúng là Ba thương hai chị em gái tôi. Trước ngày cưới của

tôi, Ba tôi chở tôi đi chợ Sài Gòn mua đồ dùng cá nhân. Chiều hôm đó khi ăn cơm tối xong ông kêu riêng tôi lên lầu nhỏ nhẹ dặn tôi rằng:

- “*Trong cuộc sống vợ chồng, muốn có hạnh phúc thì phải coi chồng như người bạn để tâm sự, và như là người tình để yêu thương.*”

Ngày cưới của tôi, Ba tôi đã bỏ tục lệ nhất định đưa tôi về nhà chồng và sáng hôm sau lại đến thăm chúng tôi để lại sự ngạc nhiên cho gia đình chồng tôi.

Chị gái tôi còn phải ganh tị với hai cô em gái cùng của mình. Chị thường nói:

- “Ba thương Lan, Bích nhiều hơn chị.”

Chúng tôi chống chế rằng tại chị lớn rồi và tại em lấy chồng lính chiến, chồng đi hoài nên Ba thương nhiều hơn.

\* \* \*

Trong thời buổi khó khăn, vợ tù hay con tù nương tựa nhau. Tôi có quán bán cà phê, *con tù đạp xích lô, hay xe ba gác, vợ các cháu cũng là con tù, tất cả giúp nhau vì cuộc sống.* Các cháu đậu xe trước nhà tôi đón khách xuống xe, lên xe, đưa các con tôi đi học. Vợ cháu Thông, con một một anh cảnh sát, giúp tôi rửa cái ly cái tách, giúp tôi coi hàng khi tôi đưa các con đi học, hay coi nhà cho tôi khi tôi vắng nhà vài tiếng.

Lần đó, chiếc xích lô chở tôi đi nhận quà của ông anh từ Canada gửi về dừng trước nhà. Vừa bước xuống, hai tay ôm thùng quà, tôi thấy vợ Thông chân đất, hớt ha hớt hải từ trong nhà chạy ra la lớn, “Ma! Ma!” làm Má tôi cũng từ trong nhà bước ra hỏi vợ Thông là chuyên gì ồn ào lắm vậy.

Vợ Thông ôm ngực, thở không ra hơi, bảo rằng:

- Từ nay cháu không dám vào nhà cô nữa.

Cháu nói rằng trong lúc mơ màng cháu vừa cãi lại với ông già mặc áo sơ mi trắng, quần tây xanh, đeo sợi giây chìa khóa

ở thất lung màu trắng, tay cầm cái quạt giấy. Ông trở ngược cái cán quạt đánh vào mắt cá chân của cháu rất đau rồi bảo, “Nó về rồi kìa, dậy đi!”

Vợ Thông cãi lại ông:

- Nhà này là nhà của cô Lan Chiến. Đâu phải nhà của ông mà ông đuổi?

- Ba cô đó. Nhưng chắc mày nằm trên giường của cô, hay mày ngủ không coi nhà? Tôi biết ngay là ai rồi, an ủi.

Vợ Thông ngồi bệt xuống đất, hai tay còn xoa xoa mắt cá chân, lưỡi thè ra như còn sợ hãi. làm bầm, “Cháu không coi nhà cho cô nữa đâu.” Từ đó vợ Thông không dám vào trong nhà, ngay cả xin xô nước máy cháu cũng phải chờ có ai trong nhà mới dám vào xin.

\* \* \*

Khi chồng tôi được tha về, chúng tôi thường thay Má tôi lên săn sóc mộ Ba tôi. Một con voi sứ đặt cạnh mộ của ông bị mất ông cũng về báo cho tôi lên mua con khác đặt vào.

Một buổi trưa, trời Sài Gòn nắng như lửa đốt, đang mơ màng trong giấc ngủ, tôi thấy Ba tôi nằm dưới mộ với tư thế nằm nghiêng chân cong cong. Tôi nói với ông:

- Sao Ba không nằm thẳng cho khoẻ?

- Nắng quá con ơi, chân Ba nóng quá. Ba tôi trả lời.

Trong giấc mơ, tôi thấy rất rõ ánh nắng chiếu xuống chân Ba tôi. Giữa trưa nắng nóng Sài Gòn, tôi hồi hải thúc dục chồng đi thăm mộ. Hai vợ chồng tôi đạp hai chiếc xe đạp, vượt hơn 10 cây số từ trường đua Phú Thọ lên Quang Trung thăm mộ Ba tôi.

Chúng tôi đến nơi, đang lui cui nhặt mấy cọng cỏ, thì bà già coi mộ cũng hốt hải từ công nghĩa trang trở về. Bà nói rằng bà đang ngủ gật ngoài quán cà phê thì ông cụ đánh nhẹ vào tay bà rồi nói, “Tụi nó lên kìa.”

Tôi kể lại giấc mơ Ba tôi kêu nắng nóng. Sẵn cây cuốc bà giữ mộ cầm trên tay, chồng tôi chỉ chạm nhẹ là đất sụp xuống thành lỗ hồng. Chúng tôi nhờ bà coi mộ xúc đất đổ đầy.

Ba ơi! Cái bản đồ California Ba còn nhớ không? Ba bảo chỉ ở với Chiến Lan, chồng con đã về sao ba nằm đây?

\* \* \*

Thời gian chúng tôi nộp đơn đi Mỹ theo điện HO có cả Má tôi, vì gia đình tôi không còn ai. Mới đầu Má tôi đồng ý đi với chúng tôi, nhưng sau cùng bà nói rằng đã già rồi, chỉ muốn khi trăm tuổi ở lại Việt Nam. Vì thế, chúng tôi phải làm giấy tờ để Má tôi ở lại.

Khi phỏng vấn và lấy vé máy bay, họ nói rằng cấp tá xuất ngoại phải giao nhà cho nhà nước, vì Má tôi mới vô hộ khẩu. Nhưng nếu Má tôi ở lại, nhà đâu cho bà ở. Hai lần đi lấy giấy xuất ngoại, tôi đều bị trả lời là phải đuổi Má tôi ra khỏi nhà thì mới có giấy xuất cảnh và vé máy bay. Chúng tôi thật sự bối rối, có chạy chọt cũng chẳng biết đường nào.

Hai tuần lại tới hạn lên trả nhà cho thành phố để lấy giấy tờ xuất cảnh. Dù không phải là nhà lớn, nhưng nhà có địa thế làm ăn, chúng tôi làm sao bỏ được. Phường, quận tất cả đều không dám giải quyết. Chúng tôi chưa biết tính làm sao!

Trước khi đi lên sở nhà đất, Má tôi và chồng tôi ngồi ăn sáng, uống cà phê. Chồng tôi méc với Má tôi là khoảng ba giờ đêm hôm qua, anh thấy bóng Ba tôi từ trên bàn thờ lướt xuống, Má tôi cũng nói với chúng tôi là khoảng tầm giờ đó bà mơ thấy ông từ nhà trên xuống đứng gần bà an ủi:

-”Bà đừng lo, tôi giữ nhà cho bà ở.”

Vợ chồng tôi lại đem hồ sơ lên sở nhà đất thành phố lần này là lần thứ ba, và cũng như hai lần trước người nữ thư ký cầm liệng trả lại hồ sơ của chúng tôi, bảo rằng muốn đi thì phải giao nhà cho nhà nước.

Chúng tôi cũng cùng đường, nhưng vin vào có chúng tôi

sửa nhà sau khi chồng tôi ra tù, chúng tôi sửa nhà có xin phép quận, có bản vẽ. Tiền sửa nhà là của Má tôi và Má tôi có tên trong hộ khẩu.

Chồng tôi hỏi cô thư ký bây giờ chúng tôi muốn khiếu nại thì khiếu nại ở đâu? Cô thư ký nét mặt lạnh lùng nói như đuổi chúng tôi:

- Muốn khiếu nại thì gặp ông Châu, trưởng ban nhà đất mà khiếu nại.

- Cái phòng, cái ban nhà đất ở đâu? Chúng tôi xó rớ hỏi lại

- Bên cạnh. Cô thư ký trả lời cụt ngủn.

Chúng tôi ra ngoài sân đứng chờ. Khoảng 10 phút thì có một anh ăn mặc cũng tươm tăt, từ trên khu nhà lầu đi xuống, hai tay ôm một xấp giấy tờ. Anh ta dừng lại hỏi chúng tôi:

- Anh chị đứng đây có chuyện gì?

Chúng tôi trả lời là xin gặp ông Châu, trưởng ban nhà đất thành phố. Anh tự giới thiệu anh là Châu, rồi mời chúng tôi vào phòng chờ anh giải quyết cho một người khách trước chúng tôi.

- Tôi rất bận, anh chị ngồi chờ tôi giải quyết xong sẽ tới anh chị. Anh nói.

Có lẽ đây cũng là lần đầu tiên chúng tôi gặp được một người có quyền rất là lịch sự.

Tới phiên, vợ chồng tôi trình bày là chúng tôi sửa nhà sau khi chồng tôi ra tù, có xin phép quận, có bản vẽ, tiền sửa nhà là của Má tôi. Bà có hộ khẩu với chúng tôi, đã ở với chúng tôi từ khi Ba tôi mất hơn 10 năm. Nhà của Má tôi bị tịch thu khi anh em của tôi đi vượt biên. Má tôi có giấy tờ xuất cảnh cùng chúng tôi nhưng nay xin ở lại. Chúng tôi có giấy tờ đầy đủ.

Anh Châu lật tới lật lui giấy tờ nhà đất, coi kỹ giấy phép và bản vẽ trong hồ sơ nhà đất của chúng tôi khoảng 20 phút rồi nói:



- Nhà của anh chị thì mẹ của anh chị được ở lại.

Anh ký giấy tờ cho chúng tôi. Vài phút sau chúng tôi sang phòng bên cạnh lấy giấy xuất cảnh và vé máy bay.

\* \* \*

Gia đình chúng tôi định cư tại Hoa Kỳ ngày 2 tháng 6 năm 1992, để lại mẹ già. Khi ra đi tôi như người mất hồn, bạn bè hàng xóm tiễn tôi nhưng tôi còn biết gì đâu. Chồng tôi đẩy tôi lên xe của người bạn khi tôi ngất đi.

*Má ơi! Con đàn cháu đống mà từ nay Má lui thủi một mình với hàng xóm láng giềng, với những người xa lạ. Ai săn sóc Má lúc tối lửa tắt đèn? Chúng con là những đứa con bất hiếu!*

*Ba ơi, Ba đã hứa với Má, “Đừng lo, tôi sẽ giữ nhà cho bà ở.” Ba đã giữ đúng lời hứa, nhưng chúng con không còn ở với Má nữa.*

Gia đình tôi tới Mỹ ở nhà cô em. Giờ này nhà đang sửa chữa, vách ván còn trống trải, trong khi mây cái va li và thùng hành lý chẳng giá trị gì, vất lăn lóc trên sàn nhà. Vào tối ngày thứ hai sau khi đến Mỹ, tôi cứ nằng nặc bắt chồng tôi kéo mấy cái va li lên lầu sợ bị mất. Cô em gái tôi bảo rằng chẳng ai thèm lấy mấy bộ quần áo đó đâu. Tôi cãi lại rằng đêm qua Ba bảo coi chừng mất đồ. Sáng hôm sau, nhà cô em tôi mất cái xe van đậu phía sân sau.

Tôi nhủ thầm, “Ba ơi Ba đã đi với chúng con và các cháu tới California rồi à.”

\* \* \*

Thời gian cứ lặng lẽ trôi. Ba tôi đã lo nhà cửa cho Má tôi. Anh em chúng tôi thay nhau về thăm Má trong những dịp lễ Tết. Má đã là Bà Ngoại của cả khu xóm. Khi có ai cần tiền gấp vào nhà thương, cần tiền đóng học phí cho con đi học, mua sách vở, gia đình vợ chồng học hặc tới méc Bà Ngoại là mọi chuyện được yên ả.

Một buổi chiều Chủ Nhật mùa Đông ở Cali, trời mưa râm râm năm 2000, cái loa gắn trong phòng khách của cái nút bấm chuông điện gắn ngoài cửa đã lâu không còn xừ đưng, không được gắn pin, thỉnh thoảng vang lên: tin...n, tin...n tin...n.

Tôi chạy ra cửa nhưng chẳng thấy ai. Vài phút sau loa lại vang lên tin...n, tin...n, tin...n. Chồng tôi chạy ra mở cửa ngó dáo giác nhưng cũng thấy vắng lặng. Tiện tay anh nhấn vào cái nút bấm ngoài cửa, nhưng nó có kêu đâu. Chúng tôi rất hoang mang không biết chuyện gì đây?

Tuần sau, chúng tôi được điện thoại từ các cháu bên Việt Nam là Má tôi đau tim ngắt nhiều lần khi ngồi trước cửa chờ đón cậu em áp út hẹn về ăn Tết với Má mà chưa tới nhà. Má tôi phải vào bệnh viện.

Tất cả chúng tôi ba anh em trai, ba cô con gái, hai chàng rể và một nàng dâu đã ở bên Má được ba ngày thì Ba tôi đón Má về với Ba.

Một năm sau, lại một buổi tối mùa Đông Cali, cái loa trong phòng khách nhà tôi lại vang lên tin...n, tin...n, tin...n, dù cái nút bấm đã không được gắn pin từ lâu lắm. Chắc có chuyện gì đây. Chúng tôi nhìn lên tờ lịch: Ngày mai là ngày giỗ Má.

- “Vợ chồng con xin cảm ơn Ba đã nhắc nhở chúng con, ngày mai là ngày giỗ đầu của Má.”

Những năm sau không còn nghe tiếng loa của cái chuông điện nữa, chúng tôi sửa nhà không còn xừ đưng cái loa nhưng cái nút bấm chuông ngoài cửa vẫn còn đây. Dấu kỷ niệm vẫn còn đây.

Vào ngày giỗ, ngày Tết, chúng tôi thường kể lại cho bạn bè và con cháu nghe để nhắc nhở rằng chúng tôi có Cha Mẹ. Ông Bà dù đã khuất nhưng vẫn giúp đỡ, che chở con cháu trong những đoạn đường gian nan.